



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5

Số 45 (15/5/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|---|----|
| 05-5-2008 | Quyết định số 1988/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh và An Phú, quận 2. | 3 |
| 05-5-2008 | Quyết định số 1992/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 20 - Đô thị mới Nam thành phố, tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh. | 13 |
| 06-5-2008 | Quyết định số 35/2008/QĐ-UBND về đối tượng thu hút đầu tư và cơ chế, chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố. | 22 |
| 06-5-2008 | Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND về quy định tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố. | 26 |

-
- 09-5-2008 - Quyết định số 37/2008/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực. 29
- 09-5-2008 - Chỉ thị số 13/2008/CT-UBND về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 31
- 10-5-2008 - Quyết định số 38/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về điều chỉnh dự toán xây dựng công trình áp dụng theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 39

QUẬN 10

- 22-4-2008 - Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND về thực hiện chuyên đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” trên địa bàn quận 10. 49
- 22-4-2008 - Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5000. 51

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1988/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500)
Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh và An Phú, quận 2**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 6577/QĐ-UB-QLĐT ngày 07 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch chung quận 2;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1500/TTr-SQHKT ngày 25 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận tách Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh, An Phú và Khu dân cư (12,52ha) phường Bình Trưng Tây, quận 2, thành 02 dự án riêng. Theo đó, đối với khu 32,14ha phường Bình Khánh và An Phú áp dụng thủ tục điều chỉnh quy hoạch đặc biệt: bỏ qua không nghiên cứu, triển khai điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 mà trực tiếp nghiên cứu, triển khai quy hoạch chi tiết 1/500; đối với khu 12,52ha phường Bình Trưng Tây áp dụng thủ tục điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh và An Phú, quận 2, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng quan:

1.1. Tên hồ sơ và địa điểm: Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh và An Phú, quận 2.

1.2. Đơn vị tư vấn: Chi nhánh Công ty TNHH A.I.C Quản lý Công trình và Bảo trì.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21.

1.4. Quy mô (theo Bản đồ vị trí số 14384/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 10 tháng 5 năm 2006 do Trung tâm Đo đạc Bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường lập): **32,1378ha**, trong đó 31,2906ha thuộc phường Bình Khánh và 0,8472ha thuộc phường An Phú.

2. Các nội dung nhiệm vụ:

2.1. Vị trí, diện tích và giới hạn khu đất quy hoạch:

- Vị trí Khu tái định cư (32,14ha) nằm phía Đông Nam phường Bình Khánh và phía Tây Nam phường An Phú.

- Giới hạn Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh và An Phú như sau:

+ Phía Đông và Đông Bắc: giáp rạch Giồng Ông Tố và rạch nhánh.

+ Phía Tây : giáp ranh Khu đô thị mới Thủ Thiêm, gần rạch Cá Trê Lớn.

+ Phía Nam : giáp sông Sài Gòn.

+ Phía Bắc : giáp đại lộ Đông Tây.

2.2. Lý do và sự cần thiết phải lập quy hoạch:

- Ủy ban nhân dân thành phố đã chấp thuận về chủ trương cho Công ty Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 hoán đổi và chuyển mục đích sử dụng đất của khu 32,14ha phường Bình Khánh và An Phú từ chức năng du lịch - văn hóa - giải trí chuyên thành xây dựng khu dân cư phục vụ tái định cư dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Các nội dung quy hoạch chi tiết (1/2000) được duyệt trước đây đến nay không còn phù hợp cần phải thay đổi.

- Yêu cầu, chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố là nhanh chóng xây dựng khu dân cư tái định cư nhằm đáp ứng số lượng căn hộ tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm nhưng phải đảm bảo quy hoạch và xây dựng khu ở có chất lượng và môi trường sống tốt, đạt tiêu chuẩn quy phạm, có đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội, công trình công cộng, hài hòa với không gian Khu đô thị mới Thủ Thiêm, không quá khác biệt khi so sánh với các khu ở cao cấp.

Do đó, cần nghiên cứu lập đề án quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) Khu tái định cư (32,14ha) phường Bình Khánh và An Phú, quận 2 theo chức năng mới để làm cơ sở triển khai dự án đầu tư xây dựng.

2.3. Mục tiêu của đề án quy hoạch:

- Xây dựng Khu tái định cư đáp ứng nhu cầu về số lượng căn hộ phục vụ tái định cư, đền bù, giải tỏa dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- Xây dựng khu ở có chất lượng và môi trường sống tốt, đạt tiêu chuẩn quy phạm, có đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội, công trình công cộng, hài hòa với không gian Khu đô thị mới Thủ Thiêm, không quá khác biệt khi so sánh với các khu ở cao cấp.

- Sử dụng quỹ đất có hiệu quả, khai thác yếu tố cảnh quan do giáp sông, rạch và trục giao thông chính của đô thị.

3. Các định hướng quy hoạch dự kiến:

3.1. Kết nối về không gian và hạ tầng với quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm đã được phê duyệt và khu dân cư trên đảo nằm tại ngã ba sông Sài Gòn - Giồng Ông Tố:

- Vị trí Khu tái định cư 32,14ha phường Bình Khánh và An Phú về phía Tây giáp khu công viên sinh thái phía Nam của Khu đô thị mới Thủ Thiêm, phía Nam và Đông - Đông Bắc giáp sông Sài Gòn và rạch Giồng Ông Tố, phía Bắc giáp đại lộ Đông Tây. Thực tế, đây là đơn vị ở độc lập sẽ được kết nối với các khu dân cư xung quanh bằng các tuyến đường trục dự kiến và cầu mới. Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu

tái định cư 32,14ha phường Bình Khánh và An Phú cần tập trung xây dựng phương án cân đối về bố cục không gian đô thị và kết nối về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội với các khu dân cư ở phía Đông, trong đó rất chú trọng kết nối giao thông giữa tuyến đường ven sông Sài Gòn với đại lộ Đông Tây. Cần xây dựng tối thiểu 2 cầu mới để vượt rạch Giồng Ông Tố và rạch nhánh.

- Cụ thể các yếu tố cần quan tâm khi nghiên cứu quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 là:

+ Về chức năng sử dụng đất: dự kiến bố trí các khu đất chức năng hỗn hợp (nhà ở kết hợp thương mại - dịch vụ; công trình công cộng tập trung đông người) dọc theo đại lộ Đông Tây và đường trục ven sông. Các khu thuần ở tái định cư và công viên cây xanh khu ở bố trí bên trong.

+ Về quy hoạch giao thông: yêu cầu thiết kế đầy đủ và đồng bộ các tuyến đường bên trong kết nối với bên ngoài Khu tái định cư. Dự kiến sẽ xây dựng: đường ven sông Sài Gòn (lộ giới tối thiểu 25m) kết nối với cầu Giồng Ông Tố và đường ven sông của khu dân cư đảo ngã ba sông; đường nội bộ (lộ giới tối thiểu 25m) kết nối cầu vượt rạch nhánh và nối đường của khu dân cư phía Đông Bắc (dự án Công ty Văn Minh...); nút giao giữa đường ven sông và đại lộ Đông Tây; các cầu nội bộ; các tuyến đường nội bộ phải đảm bảo 3 - 4 làn xe lưu thông...

+ Về hành lang bảo vệ sông rạch, mép bờ cao và việc sử dụng, chỉnh trang rạch trong khu 32,14ha: thực hiện theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và theo văn bản hướng dẫn của Sở Giao thông - Công chính. Công năng của các khu vực này chỉ sử dụng vào mục đích phục vụ cộng đồng, làm cảnh quan, làm nơi vui chơi, giải trí.

+ Về tổ chức không gian: bố trí các khu nhà ở cao tầng thưa thoáng với hướng nhìn ra trục giao thông và sông rạch, cho phép luồng gió từ sông Sài Gòn và rạch Giồng Ông Tố dẫn vào các khu nhà ở. Bố trí các bãi đậu xe, công trình chung cư cao tầng kết hợp chức năng thương mại - dịch vụ, công trình công cộng lớn... dọc các trục giao thông chính: đại lộ Đông Tây, đường ven sông và các tuyến đường lộ giới từ 20m trở lên... Các công trình trên là yếu tố kiến trúc tạo nên đặc trưng khu vực dân cư này.

- Nhìn chung, hệ số sử dụng đất trên các khu ở phải đảm bảo theo quy định đối với khu ở cao tầng (không vượt quá 5 đối với nhà ở). Tuy nhiên, để tạo động lực phát

triển và đa dạng hóa chức năng sử dụng, có thể cho phép tăng thêm hệ số sử dụng đất dành cho các chức năng thương mại - dịch vụ khoảng 1.

3.2. Giải pháp dự kiến:

a) Các yếu tố cứng - tuân thủ theo định hướng quy hoạch chung quận 2 (1/5000) đã được xác định:

- Hướng tuyến và lộ giới các trục giao thông chính, bao gồm đường ven sông Sài Gòn (lộ giới tối thiểu 25m) kèm cầu vượt rạch Giồng Ông Tố và nút giao với đại lộ Đông Tây; đường trục nội bộ (lộ giới tối thiểu 25m) kết nối cầu vượt rạch nhánh và nội đường của khu dân cư phía Đông Bắc (dự án Công ty Văn Minh...); đường ven rạch Giồng Ông Tố và rạch nhánh; các cầu trong khu tái định cư...

- Quy mô và vị trí các công trình công cộng thiết yếu (trường học, chợ hoặc siêu thị, trạm y tế, văn hóa...); công viên tập trung và ven bờ sông, rạch; diện tích rạch phải giữ lại chỉnh trang; diện tích hồ điều tiết...

- Yếu tố đặc trưng sông nước, không gian mở bắt buộc của khu vực.

- Đảm bảo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng và điều lệ quản lý.

b) Các yếu tố mềm - điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế:

- Linh hoạt trong việc bố trí và xác định quy mô các công trình thương mại - dịch vụ, công trình đa chức năng có khả năng kinh doanh...

- Tầng cao, hình khối các tòa nhà khu ở và công trình công cộng có thể thay đổi trong phạm vi cho phép theo định hướng không gian quy hoạch.

- Đường giao thông ven sông, rạch được nắn chỉnh theo thực tế nhưng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành.

3.3. Định hướng tính chất, chức năng khu đô thị:

- Khu dân cư tái định cư 32,14ha phường Bình Khánh và An Phú là khu dân cư phục vụ tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- Việc kết hợp nhà ở với chức năng thương mại - dịch vụ bố trí dọc các trục giao thông chính. Mô hình ở tại đây là khu chung cư cao tầng tập trung, đồng bộ về tiện ích xã hội và kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu cho môi trường sống tốt. Các công trình công cộng chủ yếu phục vụ cho khu ở. Đảm bảo dành diện tích đất tương đối cho các công viên bờ sông để nối kết với đặc trưng của Khu đô thị mới Thủ Thiêm là nhiều không gian mở công cộng.

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính về quy hoạch:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Thông số chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Sử dụng đất (m ² /người)
1	Tổng số căn hộ (với tỷ lệ sàn thương phẩm 75% sàn xây dựng; chỗ đậu xe tại tầng 1 - 5)	Tối đa 4.200 căn (trung bình 75m ² /căn)		
2	Dân số (trung bình 4 ng/hộ)	Khoảng 16.800 người		
3	Cơ cấu sử dụng đất:			
	Tổng diện tích toàn khu, gồm:	Khoảng 321.378m ²	100	19,1
	- Đất khu ở (nhà ở + thương mại - dịch vụ)	Khoảng 86.000m ²	26,8	5,1
	- Đất công trình công cộng, gồm:	40.400 - 55.400m ²	12,6 - 17,2	2,4 - 3,3
	+ Văn hóa + y tế + thương mại - dịch vụ	8.150 - 22.150m ²		
	+ Trường học (từ cấp I - III)	Khoảng 25.200m ²		
	+ Trường mầm non	Khoảng 8.050m ²		
	- Đất công viên cây xanh - thể dục thể thao, rạch	100.000 - 115.000m ²	31,1 - 35,8	6 - 6,9
	- Đường giao thông, bãi đậu xe	70.000 - 80.000m ²	21,8 - 24,9	4,2 - 4,8
4	Hệ số sử dụng đất (trên diện tích đất khu ở)	FAR = 5,9 (nhà ở: 4,9; thương mại - dịch vụ: 1)		
5	Mật độ xây dựng (trên lô đất)	Đế < 80%, thấp khoảng 30%		
6	Tầng cao tối thiểu	2 tầng		
	Tầng cao tối đa (không kể tầng lửng, sân thượng kỹ thuật)	18 - 25 tầng (không xây dựng tầng hầm để giảm chi phí đầu tư)		
7	- Số tầng dành cho thương mại - dịch vụ, tiện ích công cộng, đậu xe...	2 - 5 tầng (bố trí từ tầng 1 - 5)		
	- Số tầng căn hộ	16 - 22 tầng		

TT	Nội dung chỉ tiêu	Thông số chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Sử dụng đất (m ² /người)
8	Tổng diện tích sàn xây dựng trên đất ở (không kể hầm và mái)	Khoảng 421.000m ² sàn nhà ở + 86.000m ² sàn thương mại - dịch vụ)		
9	Tầng cao và hệ số sử dụng đất đối với các công trình công cộng	Căn cứ vào nhu cầu và quy mô thực tế để tính toán theo tiêu chuẩn quy phạm		
10	Chỗ đậu ô tô (phục vụ khu ở, thương mại - dịch vụ và công trình công cộng)	2.750 chỗ (có dự kiến mở rộng: 4.900 chỗ)		

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và tiện ích công cộng:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1.500 kWh/người/năm;
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 200 - 250 lít/người/ngày đêm;
- Cao trình san lấp : tối thiểu 2,5m;
- Chỉ tiêu thoát nước bản : 200 - 250 lít/người/ngàyđêm;
- Chỉ tiêu điện thoại : 10 máy/100 người;
- Chỉ tiêu rác thải : 1 - 1,5 kg/người/ngày;
- Tỷ lệ căn hộ tái định cư: chủ yếu là loại diện tích khoảng 50 - 100m², trung bình 75m²/căn hộ. Ngoài ra, có một phần nhỏ căn hộ có diện tích > 100m²;
- Đảm bảo các chỉ tiêu tiện ích công cộng cho khu dân cư cao tầng như sau:
 - + Bố trí 01 chỗ ô tô cho 2 căn hộ (nhưng có dự trù diện tích mở rộng tương lai cho 1 căn hộ/1 ô tô) hoặc 100m² sàn sử dụng văn phòng hoặc 100m² sàn sử dụng thương mại.
 - + Trạm y tế và phòng khám bệnh (1 trạm/1.000 dân).
 - + Các khu ở cần bố trí chợ hoặc siêu thị; khu sinh hoạt cộng đồng; sân chơi công cộng; khu luyện tập thể dục thể thao; khu quản lý; công trình văn hóa; tôn giáo...
 - + Bố trí trường học: tính trên 1.000 dân thì số lượng học sinh mẫu giáo: 50 chỗ, tiểu học: 65 chỗ, trung học cơ sở: 55 chỗ, trung học phổ thông và dạy nghề: 40 chỗ. Theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố, chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục tại khu vực quận 2 là 8 - 10m²/chỗ học.

4. Hồ sơ sản phẩm và dự toán kinh phí:

4.1. Hồ sơ sản phẩm:

STT	TÊN HỒ SƠ
A-	HỒ SƠ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH:
1.	Bản vẽ đánh giá hiện trạng sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật.
2.	Bản vẽ sơ đồ vị trí, giới hạn khu đất quy hoạch và mối quan hệ vùng.
3.	Bản vẽ tổng mặt bằng sử dụng đất.
4.	Tập thuyết minh “Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị” kèm bản vẽ thu nhỏ.
B-	HỒ SƠ QUY HOẠCH CHI TIẾT - TỶ LỆ : 1/500
1.	Bản vẽ sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất thiết kế - Tỷ lệ : 1/2.000 - 1/5.000
2.	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật - Tỷ lệ : 1/500
3.	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất - Tỷ lệ: 1/500
4.	Bản đồ quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan - Tỷ lệ: 1/500
5.	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường - Tỷ lệ: 1/500 <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch giao thông - Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - Quy hoạch cấp nước - Quy hoạch cấp điện - Quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường
6.	Bản đồ chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng - Tỷ lệ: 1/500
7.	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật - Tỷ lệ: 1/500
8.	Các bản vẽ thiết kế đô thị: <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ mặt bằng, khai triển mặt đứng các trục phố chính - Bản vẽ khai triển mặt bằng, mặt đứng các khu vực quan trọng có phối cảnh minh họa
9.	Điều lệ (hướng dẫn) quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch chi tiết
10.	Thuyết minh tổng hợp, các văn bản pháp lý có liên quan, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị.

4.2. Dự toán kinh phí: do cơ quan thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện:

5.1. Thời gian và tiến độ thực hiện:

- Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và tập hợp số liệu : tháng 4/2008
- Báo cáo thông qua nghiên cứu sơ bộ : tháng 5/2008
- Báo cáo thông qua nghiên cứu chi tiết : tháng 5/2008
- Báo cáo thông qua hạ tầng và thiết kế đô thị : tháng 6/2008
- Hoàn tất hồ sơ trình duyệt : tháng 6/2008

5.2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Công ty Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21.
- Đơn vị tư vấn: do Công ty Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 chỉ định thầu.
- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố hoặc Ủy ban nhân dân quận 2.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Căn cứ nội dung phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố:

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, hướng dẫn chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) đúng theo nội dung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ranh, quy mô khu đất quy hoạch và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn tất các pháp lý về sử dụng đất.

- Giao Sở Giao thông - Công chính hướng dẫn chủ đầu tư về xác định mép bờ cao sông rạch, về xây dựng các tuyến kè, về các yêu cầu kỹ thuật của tuyến đường ven sông, của các cầu vượt rạch Giồng Ông Tố và các rạch nhánh, về nút giao thông với đại lộ Đông Tây...

- Giao Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Ủy ban nhân dân quận 2 phối hợp, cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan quy hoạch chi tiết, kết nối không gian đô thị và hạ tầng xã hội, kỹ thuật tại khu vực cho chủ đầu tư.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám

đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Trưởng Ban Quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1992/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu chức năng số 20 - Đô thị mới Nam thành phố,
tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 20 – Đô thị mới Nam thành phố tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2007;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch – Kiến trúc tại Tờ trình số 670/TTr-SQHKT ngày 05 tháng 3 năm 2008 về việc thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 20 – Đô thị mới Nam thành phố tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 20 – Đô thị mới Nam thành phố tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000).

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch: 60,88ha.
- Dân số dự kiến: 10.000 người, trong đó:

- + Dân số khu ở : 5.000 người.
- + Số sinh viên : 3.000 ÷ 4.000 người.
- + Số người vãng lai : 1.000 ÷ 2.000 người.
- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:
 - + Phía Đông : giáp Khu số 19 (Khu trung tâm công cộng khu vực và công viên).
 - + Phía Tây : giáp Quốc lộ 1A.
 - + Phía Nam : giáp Khu dân cư An Phú Tây.
 - + Phía Bắc : giáp Khu E (khu trung tâm lưu thông hàng hóa 1).

2. Lý do và sự cần thiết phải lập quy hoạch:

Triển khai đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 theo nội dung nhiệm vụ quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2007.

3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:

- Phân bố cơ cấu sử dụng đất phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã được xác định trong nhiệm vụ quy hoạch, các thông số kỹ thuật trên từng lô đất xây dựng, kết nối hệ thống hạ tầng chung cho khu vực.
- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, mô hình ở, sinh hoạt giải trí cũng như loại hình công cộng phục vụ.
- Tạo cơ sở pháp lý đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, quản lý xây dựng khu chức năng số 20 phù hợp theo quy hoạch.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Sở Quy hoạch - Kiến trúc thống nhất với các nội dung như sau:

- Về cơ cấu sử dụng đất toàn khu (60,88ha):

STT	Phân loại	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu đại học	30,00	49,28
2	Đất khu dân cư (tái định cư)	13,19	21,67
3	Đất khu trung tâm điều hành đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương	2,93	4,81

4	Đất khu cây xanh tập trung - thể dục thể thao	9,07	14,90
5	Đất giao thông	5,69	9,34
Tổng cộng		60,88	100,00

- Về cơ cấu sử dụng đất khu dân cư (13,19ha):

STT	Phân loại	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở (bao gồm tái định cư)	5,81	44,05
2	Đất công trình công cộng	2,35	17,82
	- Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây	0,25	
	- Phòng khám đa khoa	0,40	
	- Trường mầm non	0,50	
	- Trường tiểu học	1,20	
3	Đất cây xanh	1,50	11,37
4	Đất giao thông	3,53	26,76
Tổng cộng		13,19	100,00

4.2. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Chỉ tiêu đất dân dụng: 44,07 m²/người, gồm:

+ Chỉ tiêu đất ở: 11,62 m²/người;

+ Chỉ tiêu đất công trình công cộng: 7,63 m²/người (trong đó đất công trình công cộng đơn vị ở: 4,70 m²/người);

+ Chỉ tiêu đất cây xanh - thể dục thể thao - mặt nước: 12,07 m²/người (trong đó đất cây xanh trong đơn vị ở: 3,00 m²/người);

+ Chỉ tiêu đất giao thông: 12,75m²/người (trong đó đất giao thông đơn vị ở: 7,06 m²/người).

- Đất ở:

+ Quy mô dân số : 5.000 người

+ Mật độ xây dựng trong từng lô : < 40%

+ Tầng cao chung cư : 5 - 12 tầng

- + Hệ số sử dụng đất trong từng lô : ≤ 5
- Đất công trình công cộng:
- + Ủy ban nhân dân xã:
 - Diện tích : 0,25ha
 - Mật độ xây dựng : $\leq 30\%$
 - Tầng cao xây dựng : ≤ 2 tầng
- + Phòng khám đa khoa:
 - Diện tích : 0,40ha
 - Mật độ xây dựng : $\leq 30\%$
 - Tầng cao xây dựng : ≤ 3 tầng
- + Trường mầm non:
 - Diện tích : 0,50ha
 - Mật độ xây dựng : $\leq 30\%$
 - Tầng cao xây dựng : ≤ 2 tầng
- + Trường tiểu học:
 - Diện tích : 1,20ha
 - Mật độ xây dựng : $\leq 30\%$
 - Tầng cao xây dựng : ≤ 3 tầng
- Chỉ tiêu đất khu đại học:
- + Tổng số sinh viên dự kiến : 3.000 SV
- + Mật độ xây dựng : tối đa 30%.
- + Tầng cao bình quân : 5 tầng.
- Chỉ tiêu đất công viên cây xanh:
- + Mật độ xây dựng : 5 - 10%.
- + Tầng cao : 1 tầng
- Chỉ tiêu cấp nước : 250 - 300 lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước thải : 265 lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu cấp điện : 1.200 - 1.500 kWh/người/năm.

- Chỉ tiêu rác thải : 1kg/người /ngày đêm.
- Thông tin liên lạc : 1 line/4người

5. Bố cục phân khu chức năng:

Khu quy hoạch được phân thành các khu chức năng sau:

- Khu dân cư tái định cư được chia thành các nhóm ở thuận tiện cho sinh hoạt cộng đồng, bố trí các công trình công cộng, dịch vụ, cây xanh, giao thông phục vụ cho khu ở.

- Khu đại học (30ha).

- Trung tâm điều hành đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (2,93ha).

- Khu cây xanh tập trung - thể dục thể thao.

- Đất giao thông khu vực.

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Tổ chức mạng lưới giao thông theo dạng ô cờ, tạo các ô chức năng nhà ở, công trình công cộng, cây xanh, cảnh quan có bố cục không gian hài hòa.

- Khu dân cư với hệ thống đường giao thông nội bộ, hạn chế giao cắt với đường giao thông đối ngoại, xác định chi tiết các quy định về khoảng lùi xây dựng, mặt cắt các trục đường phù hợp với chức năng công trình, tầng cao xây dựng, tạo được các công trình điểm nhấn đối với các trục phố chính.

- Khu trường đại học sẽ được dành nhiều diện tích cho thảm xanh, có mật độ xây dựng và tầng cao công trình thấp gồm nhiều khu chức năng như: khu hành chính, khu học tập và giảng dạy, thực hành nghiên cứu, khu thể dục thể thao và các khối công trình phụ trợ khác.

- Khu công viên cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm vừa phục vụ khu ở, vừa phục vụ chung cho cả khu vực theo cơ cấu tổng thể Khu Nam Sài Gòn.

- Khu trung tâm điều hành đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là công trình nhà làm việc, lựa chọn giải pháp thiết kế kiến trúc hài hòa với không gian chung của khu vực.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Chỉ tiêu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được tính toán cho tổng dân số dự kiến của khu vực là 10.000 người (gồm 5.000 người khu ở + 3.000 sinh viên + 2.000 khách vãng lai).

7.1. Quy hoạch giao thông:

- Đường An Phú Tây (N3) có lộ giới 30m.
- Đường D4, D2 (từ N2 đến N3) có lộ giới 30m.
- Đường D5, N1 có lộ giới 25m, với mặt cắt ngang: 5m (vía hè) + 15m (lòng đường) + 5m (vía hè).
- Đường N2, D2 (từ N1 đến N2) có lộ giới 20m, với mặt cắt ngang: 4,5m (vía hè) + 11m (lòng đường) + 4,5m (vía hè).
- Đường D1, D3 có lộ giới 17m, với mặt cắt ngang: 4,5m (vía hè) + 8m (lòng đường) + 4,5m (vía hè).
- Mặt cắt ngang cụ thể các tuyến đường An Phú Tây, D4, D2 sẽ được xác định theo dự án.
- Chỉ giới xây dựng sẽ được xác định cụ thể trong các bước thiết kế đô thị và trong các dự án đầu tư xây dựng công trình tỷ lệ 1/500.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Quy hoạch chiều cao:

- Về giải pháp quy hoạch chiều cao với định hướng như sau: Tổ chức đắp nền tạo mặt bằng xây dựng, đảm bảo cao độ khống chế theo quy hoạch chung Khu đô thị Nam thành phố.

- Về cao độ nền xây dựng:

- + Cao độ nền xây dựng lựa chọn: $H_{xd} \geq 2,25m$ - Hệ cao độ VN 2000.
- + Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường (thể hiện trong bản vẽ) được xác định cho phần mép đường thấp nhất.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Về giải pháp và những định hướng thoát nước chính cho khu vực:

- + Tổ chức hệ thống thoát riêng nước bản và mưa, cống thoát nước đặt ngầm, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống $T = 3$ năm.
- + Bố trí cống dọc các trục đường giao thông trong khu vực và tập trung theo 2 lưu vực thoát nước chính:

· Lưu vực 1 (phía Đông rạch Lòng Đền): tổ chức thoát nước mưa theo 2 tuyến cống chính trên đường N1 và đường An Phú Tây để dẫn đổ ra rạch Lòng Đền qua các cửa xả 2B (1600 x 2000)mm và B2500 x 2500mm.

· Lưu vực 2 (phía Tây rạch Lòng Đèn): tổ chức thoát nước mưa theo 2 tuyến cống chính dọc đường N1 và đường N3 để dẫn đổ ra rạch Lòng Đèn theo 2 cửa xả \varnothing 1.500mm.

- Về kích thước cống và các thông số kỹ thuật mạng lưới:

+ Thống nhất với quy mô lưu vực và kích thước đề xuất thiết kế cho các tuyến cống trong khu vực quy hoạch. Kích thước các tuyến cống nhánh biến đổi từ \varnothing 600mm đến \varnothing 1.500mm.

+ Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c \geq 0,70m$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

+ Trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo cần lưu ý hoàn chỉnh thêm các thông số kỹ thuật chi tiết như độ sâu chôn cống tại vị trí các hố ga, độ dốc cống... cho phù hợp với đặc điểm xây dựng của khu vực.

7.3. Quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện: 1.000 ÷ 1.500 kWh/người/năm.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm C - 110/15-22kV. Giai đoạn đầu lấy từ trạm 110/15-22kV Nam Sài Gòn 2.

- Xây dựng mới 8 trạm biến áp phân phối 15-22/0,4kV, công suất đơn vị 630kVA ÷ 750kVA.

- Mạng trung thế xây dựng mới sử dụng cáp đồng 3M240mm² bọc cách điện XLPE/24kV, chôn ngầm.

- Mạng hạ thế sử dụng cáp đồng 3M200+150mm² + 3M150+95mm² bọc cách điện XLPE, chôn ngầm.

- Chiếu sáng giao thông dùng đèn cao áp Sodium 250W-220V gắn trên trụ thép cao 8m ÷ 9m. Cáp chiếu sáng sử dụng cáp đồng bọc PVC - 2 x 25mm².

- Đối với trạm biến áp phân phối xây dựng mới dùng kiểu trạm phòng theo định hướng quy hoạch phát triển điện lực Khu đô thị mới Nam thành phố.

- Cấp điện áp bảo vệ cho cáp hạ thế tối thiểu 1kV.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước lấy từ Nhà máy nước sông Sài Gòn, kênh Đông và Thủ Đức thông qua tuyến ống hiện hữu trên đường Nguyễn Văn Linh và tuyến ống dự kiến quy hoạch.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày.

+ Cấp nước phục vụ công cộng: 30 lít/người/ngày.

+ Cấp nước khách vãng lai: 20 lít/người/ngày.

+ Cấp nước chữa cháy 20 lít/s/1đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy.

- Tổng lưu lượng nước cấp lớn nhất toàn khu: $Q_{max} = 2.300 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Phương án cấp nước: Đầu nối với các tuyến ống cấp nước theo quy hoạch chung của đô thị Nam thành phố và tuyến ống hiện hữu trên đường Nguyễn Văn Linh. Mạng lưới bên trong khu quy hoạch phải được thiết kế theo mạng vòng bao trùm các khu tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Trên mạng lưới cấp nước bố trí trụ cứu hỏa với khoảng cách 150m/trụ tại các ngã 3, ngã 4.

- Cần nghiên cứu đưa vào lượng nước thất thoát, dự phòng khi tính toán trong các bước thiết kế tiếp theo.

7.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước bản:

- Chỉ tiêu thoát nước bản:

+ Thoát nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày.

+ Thoát nước phục vụ công cộng: 30 lít/người/ngày.

+ Thoát nước khách vãng lai: 20 lít/người/ngày.

+ Tổng lượng nước bản lớn nhất toàn khu: $Q_{max} = 2.150 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Phương án thoát nước bản: thiết kế thành hệ thống thoát nước riêng, nước thải được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống cống thoát nước bản.

+ Giai đoạn đầu trước năm 2020: xây dựng trạm xử lý nước thải tạm thời cho khu quy hoạch. Nước thải sau khi xử lý ở trạm xử lý phải đạt tiêu chuẩn loại B theo TCVN 5945-2005 trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

+ Giai đoạn hoàn chỉnh sau năm 2020: trạm xử lý tạm thời chuyển thành trạm bơm cục bộ. Sau đó nước thải được đưa về trạm xử lý tập trung của khu vực. Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn loại A theo TCVN 5945-2005 trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1 - 1,2 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt: 7 - 10 tấn/ngày (có tính thêm hệ số dự phòng lượng rác thải cho sinh viên khu đại học).

- Rác thải phải được phân loại thành rác vô cơ và rác hữu cơ từ từng hộ dân. Sau đó sử dụng xe chuyên dùng chở rác đến công trường xử lý rác tại Đa Phước, huyện Bình Chánh.

7.6. Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống:

Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi (nếu thấy cần thiết) trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án), tuy nhiên phải đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành và có sự thống nhất của các ngành chức năng.

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu Nam phối hợp cùng Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và các ban, ngành thành phố, trên cơ sở nội dung quy hoạch chi tiết 1/2000 được phê duyệt để nghiên cứu, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt ban hành Quy định về quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng theo đúng Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ nhằm thực thi các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam và các sở - ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về đối tượng thu hút đầu tư và cơ chế, chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư trong
Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKH-CN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố tại Công văn số 07/NNCNC-KHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2008 và của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 837/TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2008 và Công văn số 1287/SKHĐT-KT ngày 10 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về đối tượng thu hút đầu tư vào Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố và chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư khi đầu tư vào Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố.

Điều 2. Đối tượng, thu hút đầu tư trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư) thực hiện đầu tư vào Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố phải có dự án đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

1. Dự án đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu hoặc ứng dụng hoặc nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hoặc dự án đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp công nghệ cao.

2. Dự án phải đảm bảo tổng chi cho nghiên cứu - phát triển (cho dự án) hàng năm không dưới 05% tổng doanh thu.

3. Tổng số lao động có trình độ đại học trở lên trực tiếp tham gia nghiên cứu - phát triển của dự án đạt ít nhất 05% tổng số lao động của dự án.

4. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành; phải áp dụng hệ thống quản lý doanh nghiệp hệ thống công nghệ thông tin hiện đại.

5. Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Dự án phải đáp ứng tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao. Công nghệ cao phải đáp ứng yêu cầu: liên tục nghiên cứu đổi mới cho phù hợp sự phát triển của khoa học kỹ thuật, có thể ứng dụng và mở rộng trong điều kiện Việt Nam; Công nghệ cao phải là công nghệ tiên tiến tại thời điểm đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKH-CN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố công bố các tiêu chí và điều kiện của doanh nghiệp được thuê đất hoạt động tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố.

Điều 3. Cơ chế, chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố

1. Về tiền thuê đất và tiền duy tu, bảo dưỡng hạ tầng:

a) Thành phố đầu tư cơ sở hạ tầng Khu Nông nghiệp Công nghệ cao để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và đào tạo của các nhà đầu tư trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố. Nhà đầu tư khi thực hiện đầu tư vào Khu Nông nghiệp Công nghệ cao có nhu cầu thuê đất nông nghiệp trong Khu Nông nghiệp Công

nghe cao để phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp và đào tạo, chỉ phải trả tiền thuê đất nông nghiệp theo quy định chung của Nhà nước (không tính chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng).

Thời hạn thuê đất được xác định tùy theo từng dự án cụ thể của nhà đầu tư nhưng tối đa là 50 năm. Tiền thuê đất được đóng hàng năm.

Nhà đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo đúng quy định của Nhà nước.

b) Đối với chi phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng: nhà đầu tư phải đóng chi phí duy tu, bảo dưỡng hạ tầng bằng 50% chi phí duy tu bảo dưỡng theo quy định, hướng dẫn chung của Nhà nước; nhà đầu tư thực hiện dự án nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ (không thực hiện hoạt động sản xuất) hoặc đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ phục vụ cho yêu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao thì được miễn tiền duy tu bảo dưỡng hạ tầng.

Tiền duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng được đóng hàng năm và ổn định trong 05 năm.

c) Trong thời gian 12 tháng, nếu nhà đầu tư không triển khai hoạt động hoặc sử dụng sai mục đích đã đăng ký ban đầu sẽ bị thu hồi vô điều kiện phần diện tích chưa sử dụng hoặc phần diện tích sử dụng sai mục đích.

3. Về giá nước và xử lý nước thải:

Đối với nước thủy lợi phục vụ hoạt động tưới tiêu cho cây trồng: được cung cấp đến họng nước tưới tiêu cho từng nhà đầu tư và không tính tiền nước nhưng nhà đầu tư phải tính chi phí bơm và xử lý nước.

Đối với nước phục vụ sinh hoạt và hoạt động sản xuất khác (nếu có): được tính đúng theo khung giá nước của thành phố và nhà đầu tư phải đóng thêm phí xử lý nước thải.

4. Về giá điện, dịch vụ viễn thông:

Giá điện, giá dịch vụ viễn thông (điện thoại, Internet): được tính theo giá của nhà cung cấp dịch vụ.

5. Về thuê chuyên gia về lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao ở nước ngoài:

Chấp thuận chủ trương thuê chuyên gia về lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao ở nước ngoài vào làm việc tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố căn cứ vào sự cần thiết, yêu cầu,

nhiệm vụ quản lý và nghiên cứu khoa học công nghệ trong từng thời điểm, từng đề tài, dự án cụ thể có tham khảo mức thu nhập của các chuyên gia làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao ở các nước trong khu vực đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố về việc thuê chuyên gia về lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao ở nước ngoài và mức lương cụ thể của từng chuyên gia.

6. Chính sách khuyến khích riêng đối với tổ chức tiên phong:

Ưu tiên chọn khu đất thuận lợi, phù hợp với quy hoạch chi tiết của Khu Nông nghiệp Công nghệ cao cho 05 (năm) nhà đầu tư đầu tiên tham gia vào Khu.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố có nhiệm vụ hỗ trợ miễn phí các dịch vụ cho các nhà đầu tư về thành lập doanh nghiệp, giấy phép đầu tư, thủ tục xuất nhập khẩu; thủ tục giao đất, cho thuê đất; giấy phép xây dựng, visa xuất nhập cảnh nhiều lần và một số hỗ trợ khác về thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động của nhà đầu tư trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố.

2. Giao Sở Giao thông - Công chính nghiên cứu lập tuyến xe buýt từ trung tâm thành phố đến Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố phục vụ hoạt động đi lại cho các cán bộ, công nhân viên của các đơn vị hoạt động trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố với giá vé theo khung giá chung của thành phố.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần thiết điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố, các nhà đầu tư tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về quy định tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố
về công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2007/TT-BNV ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 242/TTr-SNV ngày 22 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định về đối tượng, điều kiện thủ tục tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố, sĩ quan Quân đội nhân dân và Công an nhân dân về công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố như sau:

1. Đối tượng tiếp nhận theo các yêu cầu sau:

a) Công chức, viên chức điều động, tiếp nhận do hợp lý hóa gia đình, bao gồm:

Công chức, viên chức có chồng (hoặc vợ) hiện là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đang công tác ổn định và thường trú tại thành phố; là người duy nhất nuôi dưỡng cha mẹ già yếu thường trú tại thành phố;

b) Công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được điều động, tiếp nhận về thành phố do yêu cầu thực sự về công việc của các đơn vị hành chính, sự nghiệp, có tuổi đời dưới 45 tuổi (đã có quyết định công nhận hết thời gian thử việc hoặc quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức).

2. Điều kiện xem xét tiếp nhận:

a) Cơ quan quản lý công chức, viên chức đồng ý cho chuyển công tác; có thời gian làm việc liên tục tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước từ 4 năm (đủ 48 tháng) trở lên; hoàn thành tốt nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị (theo phiếu đánh giá công chức, viên chức hàng năm);

b) Có phẩm chất đạo đức tốt;

c) Đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ, công việc;

d) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận có nhu cầu bố trí công việc, còn chỉ tiêu biên chế, chuyên môn đào tạo phù hợp với vị trí công tác tiếp nhận;

đ) Tự thu xếp được nơi ở (không thuộc diện phải bố trí nhà công vụ);

e) Riêng đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, ưu tiên công chức, viên chức tình nguyện công tác tại huyện thời gian 5 năm trở lên;

g) Không tiếp nhận những người trong thời gian đang thi hành kỷ luật, đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Thủ tục tiếp nhận:

a) Đơn xin chuyển công tác có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi công tác. Công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị trực

thuộc phải có ý kiến cơ quan chủ quản cấp trên (Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc sở - ngành có liên quan);

b) Công văn của cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận nêu rõ vị trí công việc cần bố trí;

c) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (mẫu sơ yếu lý lịch 2a-BNV/2007 ban hành kèm theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ phù hợp với yêu cầu công việc;

đ) Bản sao quyết định công nhận hết thời gian tập sự, thử việc hoặc quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức;

e) Bản sao quyết định lương hiện hưởng;

g) Phiếu đánh giá công chức, viên chức hàng năm;

h) Đối với người thuộc diện hợp lý hóa gia đình cần thêm:

- Bản sao giấy đăng ký kết hôn;

- Bản sao hộ khẩu thường trú của vợ hoặc chồng;

- Xác nhận quá trình công tác của vợ hoặc chồng (nếu có);

- Xác nhận có nhà ở ổn định tại thành phố.

4. Ngoài các đối tượng trên, căn cứ vào nhu cầu của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể của công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố.

Giao Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy trình, thủ tục tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của thành phố.

Điều 2. Quyết định này thay thế các văn bản quy định trước đây và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố văn bản hết hiệu lực

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1191/STP-VB ngày 17 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 11 văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu “3 giảm” không còn hiệu lực pháp luật (đính kèm Danh mục 11 văn bản).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ HẾT HIỆU LỰC*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-UBND**ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

SỐ TT	KÝ HIỆU, NGÀY THÁNG NĂM	TRÍCH YẾU NỘI DUNG VĂN BẢN
01	Quyết định số 41/2001/QĐ-UB ngày 17 tháng 5 năm 2001	Về ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm: Giảm tội phạm, ma túy và tệ nạn mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2001.
02	Quyết định số 62/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2001	Về ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm: giảm ma túy, mại dâm và tội phạm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2001 - 2005.
03	Quyết định số 5030/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 2001	Về thay đổi một số thành viên Ban Chỉ đạo Phòng, chống tội phạm và ma túy thành phố.
04	Quyết định số 1642/QĐ-UB ngày 16 tháng 4 năm 2002	Về thành lập Hội đồng tư vấn xử lý đưa người chưa thành niên vi phạm hành chính vào trường giáo dưỡng.
05	Kế hoạch số 4488/KH-UB ngày 18 tháng 12 năm 2002	Thực hiện Chương trình phòng chống tệ nạn ma túy năm 2003.
06	Quyết định số 5237/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003	Về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Phòng, chống tội phạm và ma túy thành phố.
07	Kế hoạch số 8112/KH-UB ngày 28 tháng 12 năm 2004	Thực hiện chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy năm 2005.
08	Quyết định số 4149/QĐ-UB ngày 12 tháng 8 năm 2005	Về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Phòng, chống tội phạm và ma túy thành phố.
09	Quyết định số 4844/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2005	Về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Phòng, chống tội phạm và ma túy thành phố.
10	Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2006	Về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Phòng, chống tội phạm và ma túy thành phố.
11	Kế hoạch số 1723/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2007	Thực hiện Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2007.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2008/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2008

CHỈ THỊ

Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Để tổ chức thực hiện Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (viết tắt là Nghị định số 99/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn Nhà nước (bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của Nhà nước) như sau:

1. Về tổng mức đầu tư xây dựng công trình:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng công trình phải được xác định một cách chặt chẽ theo quy định tại Điều 4, 5 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Theo đó, chi phí dự phòng phải được tính toán hợp lý, đầy đủ và không phải điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án, do yếu tố trượt giá có thể xảy ra sau này trong suốt thời gian thực hiện dự án.

b) Chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân thực hiện việc thẩm định, thẩm tra tổng mức đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, chính xác của kết quả thẩm định, thẩm tra.

c) Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP. Phần tổng mức đầu tư điều chỉnh thay đổi so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải được tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP. Ngoài ra, tổng mức đầu tư có thể được xem xét điều chỉnh khi có chính sách mới về bồi thường giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng đến tổng mức đầu tư.

d) Thẩm quyền điều chỉnh tổng mức đầu tư:

- Đối với các công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và điểm 1.1.2 Mục 1.1 Phần III của Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

- Đối với các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư khác của Nhà nước: thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và điểm 1.1.2 Mục 1.1 Phần III của Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

đ) Chủ đầu tư tham khảo suất vốn đầu tư xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng công bố để làm cơ sở lập và quản lý tổng mức đầu tư.

e) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng có tính chất, điều kiện đặc thù, đặc điểm kỹ thuật riêng nên có yêu cầu về suất vốn đầu tư xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng khác với công bố của Bộ Xây dựng thì chủ đầu tư thỏa thuận với các sở - ngành (theo phân cấp thẩm định thiết kế cơ sở) về suất vốn đầu tư xây dựng cho công trình. Thời gian các sở - ngành có ý kiến thỏa thuận không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Các sở - ngành có trách nhiệm ban hành công khai thành phần hồ sơ để thỏa thuận về suất vốn đầu tư xây dựng cho công trình trong tháng 5 năm 2008.

2. Về dự toán và tổng dự toán xây dựng công trình:

a) Dự toán xây dựng công trình được xác định cho từng công trình xây dựng cụ thể, theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì tổng mức đầu tư đồng thời là dự toán công trình.

b) Công trình hoặc hạng mục công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khi khởi công xây dựng phải có thiết kế, dự toán được phê duyệt; không nhất thiết phải chờ phê duyệt tổng dự toán công trình.

c) Đối với dự án có nhiều công trình, chủ đầu tư có thể xác định tổng dự toán của dự án để phục vụ cho việc quản lý dự án. Tổng dự toán của dự án được xác định bằng tổng cộng các dự toán của các công trình thuộc dự án và một số khoản mục chi phí thuộc chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác chưa tính trong dự toán công trình của dự án. Tổng dự toán của dự án phải đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

d) Dự toán công trình trước khi phê duyệt phải được thẩm tra. Tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra dự toán công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu

tư về kết quả thẩm tra. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán công trình sau khi đã thẩm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phê duyệt dự toán công trình. Dự toán công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu, giá thành xây dựng và là căn cứ để đàm phán ký kết hợp đồng, thanh toán với nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu.

đ) Dự toán công trình chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP. Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, phê duyệt và chịu trách nhiệm về dự toán công trình điều chỉnh.

e) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm xem xét, hướng dẫn chủ đầu tư khi có vướng mắc trong quá trình lập và quản lý dự toán xây dựng công trình.

3. Về định mức xây dựng:

a) Việc lập và quản lý định mức xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

b) Căn cứ các định mức xây dựng được Bộ Xây dựng công bố và phương pháp lập định mức xây dựng được Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD, các Sở quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các sở - ngành liên quan tổ chức xây dựng và công bố các định mức xây dựng cho các công trình, công việc đặc thù của ngành, địa phương, báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư được chủ động thực hiện các công việc sau:

- Đối với các định mức xây dựng đã có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố nhưng chưa phù hợp với biện pháp, điều kiện thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật của công trình thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, sau đó báo cáo về Sở Xây dựng và Sở quản lý chuyên ngành.

- Đối với các định mức xây dựng chưa có trong hệ thống định mức xây dựng đã được công bố thì chủ đầu tư căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và phương pháp xây dựng định mức quy định tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD để tổ chức xây dựng các định mức đó và quyết định áp dụng, sau đó báo cáo về Sở Xây dựng và Sở quản lý chuyên ngành.

- Chủ đầu tư tự tổ chức hoặc thuê các tổ chức có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập, điều chỉnh định mức xây dựng như nội dung nêu trên. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm về tính hợp lý, chính xác của các định mức do mình xây dựng.

- Chủ đầu tư được quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc áp dụng, vận dụng định mức xây dựng đã công bố, các định mức xây dựng tương tự đã sử dụng ở công trình khác hoặc điều chỉnh để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Trường hợp sử dụng các định mức xây dựng mới chưa công bố làm cơ sở lập đơn giá để thanh toán đối với các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước áp dụng hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư phải thỏa thuận với các Sở có chuyên ngành xây dựng (theo phân cấp thẩm định thiết kế cơ sở) trước khi lập dự toán và sau đó báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định. Thời gian các Sở chuyên ngành có ý kiến thỏa thuận không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Các Sở chuyên ngành có trách nhiệm công bố công khai thành phần hồ sơ để thỏa thuận về các định mức xây dựng mới trong tháng 02 năm 2008.

d) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng các Sở quản lý chuyên ngành rà soát các tập đơn giá xây dựng công trình, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, các định mức đã ban hành hoặc định mức được Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành ban hành áp dụng riêng tại thành phố Hồ Chí Minh (chưa được Bộ Xây dựng và các Bộ công bố) trước ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, chuyển thành công bố để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, quyết định việc áp dụng hoặc vận dụng làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4. Về giá xây dựng công trình:

a) Việc lập và quản lý giá xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

b) Chủ đầu tư căn cứ tính chất, điều kiện đặc thù, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công cụ thể của công trình, hệ thống định mức xây dựng công trình được công bố và phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD để xây dựng và quyết định áp dụng đơn giá xây dựng của công trình, giá xây dựng tổng hợp làm cơ sở xác định dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

c) Chủ đầu tư được thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn chuyên môn có năng lực, kinh nghiệm lập đơn giá xây dựng công trình và thực hiện các công việc hoặc phần việc liên quan đến việc lập giá xây dựng công trình. Tổ chức, cá nhân tư vấn chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật trong việc đảm bảo tính hợp lý, chính xác của các đơn giá và giá xây dựng công trình do mình lập.

d) Chủ đầu tư, nhà thầu có thể tham khảo áp dụng chỉ số giá xây dựng do các tổ chức tư vấn có năng lực, kinh nghiệm công bố. Chủ đầu tư căn cứ xu hướng biến động giá và đặc thù công trình để quyết định chỉ số giá xây dựng cho phù hợp, chịu trách nhiệm về quyết định áp dụng chỉ số giá xây dựng trước pháp luật và người quyết định đầu tư.

đ) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở - ngành liên quan tổ chức nghiên cứu, công bố định kỳ và hướng dẫn hệ thống đơn giá xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, giá vật liệu... để chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân tham khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình.

5. Về hợp đồng trong hoạt động xây dựng công trình:

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 đến Điều 30 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng. Sở Xây dựng xem xét, hướng dẫn các chủ đầu tư khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng trong hoạt động xây dựng công trình.

6. Về thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình:

Thực hiện theo các quy định tại Điều 31, 32 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước; Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Quyết định số 2173/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính về đính chính Thông tư số 33/2007/TT-BTC; Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC và Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính, cho đến khi có những văn bản mới ban hành thay thế.

a) Sở Tài chính xem xét, hướng dẫn các chủ đầu tư khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

b) Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh xem xét, hướng dẫn các chủ đầu tư khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

c) Các cơ quan có chức năng quản lý việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây

dựng công trình tuyệt đối không được đòi hỏi thêm những thủ tục ngoài những thành phần hồ sơ đã được quy định và công bố công khai.

7. Tổ chức thực hiện:

Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và hướng dẫn thực hiện của các Bộ - Ngành liên quan. Ngoài ra, trong giai đoạn chuyển tiếp để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính hiệu quả và không gián đoạn quá trình thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình đang lập, đã lập, đã được thẩm định nhưng chưa được phê duyệt dự án từ ngày 21 tháng 7 năm 2007 (ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt trước ngày 21 tháng 7 năm 2007 nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện thì xử lý chuyển tiếp như sau:

- Tiếp tục thực hiện theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ - ngành liên quan; Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

c) Dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt hoặc được duyệt điều chỉnh sau ngày 21 tháng 7 năm 2007 thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP (ngoại trừ việc điều chỉnh để đáp ứng thủ tục thanh quyết toán công trình hoàn thành).

d) Trường hợp cần thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm: tổng mức đầu tư; dự toán xây dựng công trình; định mức và giá xây dựng; hợp đồng trong hoạt động xây dựng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

đ) Việc xử lý chuyển tiếp áp dụng các định mức, đơn giá xây dựng, xây dựng chuyên ngành như sau:

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt trước ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 21 tháng 7 năm 2007), chủ đầu tư được tiếp tục áp dụng các định mức xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành tại Quyết định số 29/2000/QĐ-BXD ngày 25 tháng 12 năm 2000 (Định mức dự toán công tác sửa chữa trong xây dựng cơ bản); Quyết định số 28/2005/QĐ-BXD ngày 10 tháng 8 năm 2005 (Định mức dự toán khảo sát xây dựng); Quyết định số 24/2005/QĐ-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2005 (Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng); Quyết định số 33/2005/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2005 (Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt); và các đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại các Quyết định số 75/2001/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2001 (Đơn giá công tác sửa chữa trong xây dựng cơ bản khu vực thành phố Hồ Chí Minh); Quyết định số 103/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2006 (Đơn giá khảo sát xây dựng khu vực thành phố Hồ Chí Minh); Quyết định số 104/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2006 (Đơn giá xây dựng cơ bản khu vực thành phố Hồ Chí Minh - phần xây dựng và phần lắp đặt).

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt kể từ ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư có thể tham khảo để quyết định áp dụng các định mức xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành tại các văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16 tháng 8 năm 2007 về công bố định mức dự toán sửa chữa công trình xây dựng; văn bản số 1779/BXD-VP ngày 16 tháng 8 năm 2007 về công bố Định mức dự toán xây dựng công trình - phần khảo sát xây dựng; văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16 tháng 8 năm 2007 về công bố định mức dự toán xây dựng công trình - phần xây dựng; văn bản số 1777/BXD-VP ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán xây dựng công trình - phần lắp đặt hệ thống điện trong công trình; ống và phụ tùng ống; bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị; khai thác nước ngầm; và các đơn giá xây dựng do Sở Xây dựng thành phố công bố.

- Đối với các định mức, đơn giá xây dựng chuyên ngành do Bộ - ngành ban hành mà chưa chuyển sang hình thức công bố như hướng dẫn tại khoản 2 Mục IV Thông tư số 05/2007/TT-BXD thì chủ đầu tư vẫn được tham khảo, quyết định việc áp dụng.

- Đối với các định mức, đơn giá xây dựng chuyên ngành do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cần được rà soát và chuyển sang hình thức công bố theo hướng

dẫn của Bộ Xây dựng mà không phải chờ Bộ - ngành bãi bỏ hay chuyển sang hình thức công bố.

e) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, các cá nhân hoạt động về tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng và tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải hoạt động theo phân hạng được quy định tại Điều 18 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

g) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố, báo cáo kết quả về Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Trong quá trình thực hiện Chỉ thị này, nếu có các vấn đề phát sinh, vướng mắc, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn và báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố hoặc xin ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về điều chỉnh dự toán xây dựng
công trình áp dụng theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD
ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Nghị định số 167/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 29/2007/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2048/SXD-QLKTXD ngày 28 tháng 3 năm 2008, Công văn số 2249/SXD-QLKTXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 và Công văn số 2714/SXD-QLKTXD ngày 24 tháng 4 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về điều chỉnh dự toán xây dựng công trình áp dụng theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về điều chỉnh dự toán xây dựng công trình áp dụng
theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2008
của Bộ Xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2008/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)**

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn điều chỉnh dự toán những khối lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 của công trình, gói thầu (sau đây gọi chung là dự toán xây dựng công trình) sử dụng vốn nhà nước mà người quyết định đầu tư chưa quyết định thực hiện chuyển tiếp việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ.

Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng các quy định điều chỉnh dự toán theo hướng dẫn tại Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc điều chỉnh

1. Các công trình đã lập đơn giá riêng hoặc bảng giá ca máy công trình với mức tiền lương tối thiểu đã được người có thẩm quyền ban hành, chủ đầu tư căn cứ vào chế độ, chính sách được Nhà nước cho phép áp dụng và nguyên tắc, phương pháp điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng được hướng dẫn tại Thông tư số 03/2008/TT-BXD để thực hiện điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các khoản chi phí khác (nếu có) trong dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng mới.

2. Việc điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 theo hợp đồng và các điều kiện đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận không điều chỉnh giá trong suốt quá trình thực hiện, chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng có thể thương thảo bổ sung hợp đồng để bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định.

3. Dự toán xây dựng công trình được điều chỉnh theo mức lương tối thiểu vùng được quy định tại Nghị định số 167/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động và Thông tư số 29/2007/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

4. Các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư sử dụng chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá để điều chỉnh cơ cấu chi phí trong dự toán xây dựng công trình.

a) Trường hợp dự toán xây dựng công trình được lập theo đơn giá xây dựng cơ bản, đơn giá khảo sát xây dựng tính theo thang lương thuộc bảng lương A6 ban hành kèm theo Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp hoặc tính theo bảng lương A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước với mức lương tối thiểu tương ứng từng thời kỳ thì việc điều chỉnh dự toán xây dựng được thực hiện theo Chương II của Quy định này.

b) Trường hợp dự toán xây dựng công trình được lập theo đơn giá riêng thì việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo khoản 1 Điều 2 của Quy định này và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, phê duyệt của mình, cụ thể:

- Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công (K^{DC}_{NC}) xác định bằng mức lương tối thiểu theo quy định mới chia cho mức lương tối thiểu đã tính trong đơn giá.

- Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công (K^{DC}_{MTC}) xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền của chi phí theo nhóm máy.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN

Điều 3. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

1. Điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán chi phí xây dựng được tính toán bằng cách nhân đơn giá gốc nhân công trong các bộ đơn giá xây dựng với hệ số điều chỉnh chi phí nhân công K_{NC}^{DC} phù hợp với mức lương tối thiểu được sử dụng để lập các bộ đơn giá xây dựng này (xem Phụ lục).

2. Điều chỉnh chi phí máy thi công trong dự toán chi phí xây dựng được tính toán bằng cách nhân đơn giá gốc máy thi công trong các bộ đơn giá xây dựng với hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công K_{MTC}^{DC} phù hợp với mức lương tối thiểu được sử dụng để lập các bộ đơn giá xây dựng này (xem Phụ lục).

3. Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng bao gồm: chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công và các khoản mục chi phí khác như quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập dự án và thiết kế công trình xây dựng được tính theo các quy định hiện hành.

4. Các khoản mục chi phí như quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập dự án và thiết kế công trình xây dựng được tính bằng tỷ lệ (%) theo quy định.

Điều 4. Điều chỉnh dự toán khảo sát xây dựng

1. Đối với dự toán khảo sát xây dựng lập theo bộ đơn giá khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 103/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bộ đơn giá khảo sát xây dựng khu vực thành phố Hồ Chí Minh (theo mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng/tháng): chi phí nhân công trong dự toán được tính toán bằng cách nhân đơn giá gốc nhân công trong bộ đơn giá với hệ số điều chỉnh K_{NCKS}^{DC} (xem Phụ lục).

2. Đối với các đơn giá khảo sát khác: chi phí nhân công được nhân với hệ số điều chỉnh K_{NCKS}^{DC} tương ứng với mức lương tối thiểu để xây dựng các đơn giá khảo sát này theo các hệ số điều chỉnh nhân công K_{NC}^{DC} tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Điều chỉnh dự toán thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng

1. Trường hợp xác định trên cơ sở định mức, đơn giá thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 32/2001/QĐ-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức và đơn giá thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng: chi phí nhân công được nhân với hệ số điều chỉnh K_{NCTN}^{DC} (xem Phụ lục).

2. Trường hợp xác định trên cơ sở định mức dự toán xây dựng công trình phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số

25/2006/QĐ-BXD ngày 05 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức dự toán xây dựng công trình phân thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng: chủ đầu tư, nhà thầu và tổ chức tư vấn lập đơn giá để chủ đầu tư phê duyệt làm căn cứ lập dự toán và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình các dự án sử dụng vốn từ ngân sách Nhà nước.

Điều 6. Điều chỉnh dự toán quy hoạch xây dựng đô thị

Dự toán chi phí trước thuế cho công tác quy hoạch xây dựng đô thị xác định trên cơ sở định mức chi phí quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức chi phí quy hoạch xây dựng được nhân với hệ số điều chỉnh $K^{DC}_{QH XD} = 1,25$.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 03/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trong giai đoạn chuyển tiếp và thực hiện điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, đảm bảo tính hiệu quả và không làm gián đoạn quá trình thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân thành phố quy định thực hiện một số trường hợp cụ thể như sau:

Điều 7. Việc điều chỉnh nêu trên áp dụng cho tất cả những công trình xây dựng và những chuyên ngành có xây dựng cơ bản.

Đối với dự toán chi phí xây dựng thực hiện các dịch vụ công ích đô thị căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng loại hình công ích, giao Sở Giao thông - Công chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định hệ số điều chỉnh trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để áp dụng thống nhất.

Điều 8. Những dự án đầu tư xây dựng đang lập hoặc đã lập nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì tổng mức đầu tư của dự án được điều chỉnh phù hợp với chế độ tiền lương tối thiểu mới.

Điều 9. Những công trình xây dựng của các dự án đầu tư xây dựng đang tổ chức thực hiện lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán, dự toán thì dự toán chi phí xây dựng công trình và các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ % và các khoản mục chi phí khác, được điều chỉnh theo quy định tại Chương II của Quy định này trừ những khoản, mục công việc đã thực hiện hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Điều 10. Những công trình, hạng mục công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổng dự toán, dự toán nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, chủ đầu tư điều chỉnh lại tổng dự toán, dự toán, giá gói thầu theo quy định tại Chương II của Quy định này, nhưng phải tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Nếu tổng dự toán, dự toán sau khi điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư của dự án, chủ đầu tư tự thẩm định và phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán, dự toán.

2. Trường hợp tổng dự toán, dự toán sau khi điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt, chủ đầu tư lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư điều chỉnh dự án (không phải thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư), trong đó có thể hiện nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của dự án được chuyển sang thực hiện theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP. Sau đó, chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo khoản 1 Điều này.

Điều 11. Những công trình, hạng mục công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu nhưng chưa ký hợp đồng

1. Nếu việc điều chỉnh này không làm vượt tổng dự toán, dự toán và không vượt giá trị gói thầu trong kế hoạch đấu thầu dự án được phê duyệt thì chủ đầu tư tự điều chỉnh giá gói thầu để làm cơ sở để ký kết hợp đồng. Nếu việc điều chỉnh giá gói thầu làm vượt tổng dự toán, dự toán và vượt giá trị gói thầu trong kế hoạch đấu thầu dự án được phê duyệt (nhưng không vượt tổng mức đầu tư) thì chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện điều chỉnh tổng dự toán, dự toán và gửi kết quả báo cáo người quyết định đầu tư.

2. Nếu việc điều chỉnh làm vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện theo khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

Điều 12. Đối với công trình, hạng mục công trình đang thi công dở dang theo hình thức chỉ định thầu, đấu thầu, kể cả hình thức đấu thầu được ký kết theo loại hợp đồng trọn gói (các bên đã thỏa thuận không điều chỉnh giá trong suốt quá trình thực hiện), sau khi xác định khối lượng thực hiện trước và sau ngày 01 tháng 01 năm 2008 để lập tổng dự toán điều chỉnh thì khối lượng xây dựng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 được điều chỉnh dự toán xây dựng công trình như sau:

1. Trường hợp dự toán điều chỉnh không làm vượt tổng dự toán được phê duyệt: chủ đầu tư tự thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh.

2. Trường hợp dự toán điều chỉnh làm vượt tổng dự toán được phê duyệt: chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định tại Chương II và khoản 1 Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Đối với công trình đã được nghiệm thu và đang trong giai đoạn trình duyệt quyết toán, có khối lượng xây dựng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 nếu chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng đã quyết toán xong thì không thực hiện điều chỉnh. Nếu hai bên chưa thực hiện việc thanh toán, quyết toán thì việc tổ chức thực hiện tương tự Điều 10 của Quy định này.

Điều 14. Trường hợp đơn giá trúng thầu là đơn giá tổng hợp

1. Nếu nhà thầu có đơn giá chi tiết (vật liệu, nhân công, máy thi công) kèm đơn giá tổng hợp: chủ đầu tư tự điều chỉnh dự toán, tổng dự toán.

2. Nếu nhà thầu không có đơn giá chi tiết kèm đơn giá tổng hợp: chủ đầu tư áp dụng phương pháp sau để làm cơ sở tính điều chỉnh:

a) Căn cứ bảng tổng hợp kinh phí trong hồ sơ dự toán, tổng dự toán được phê duyệt để tính tỷ trọng (%) giữa giá trị vật liệu, giá trị nhân công và giá trị máy thi công.

b) Căn cứ tỷ trọng (%) trên để tính phần giá trị nhân công, máy thi công trong bảng tổng hợp dự toán giao nhận thầu.

c) Từ phần giá trị nhân công, máy thi công tính được ở điểm b nêu trên, căn cứ vào các hệ số điều chỉnh, khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) quy định trong dự toán chi phí xây dựng để tính chi phí nhân công (b1), máy thi công (c1).

d) Lấy phần giá trị chi phí nhân công (b1), chi phí máy thi công (c1) nhân với các hệ số điều chỉnh quy định ở Chương II của Quy định này. Sau đó, căn cứ vào các khoản mục chi phí tính bằng định mức theo tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng để tính giá trị dự toán điều chỉnh.

Điều 15. Về thẩm quyền thẩm định và phê duyệt điều chỉnh các dự án đầu tư do điều chỉnh tổng dự toán theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng

1. Giao cho các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện (theo phân cấp tại Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh):

a) Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư theo phân cấp, nếu giá trị tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh không vượt quá mức vốn đầu tư của dự án nhóm C được quy định tại Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ hoặc giá trị tổng mức đầu tư của dự án

điều chỉnh có thể vượt quá mức vốn đầu tư của dự án nhóm C nhưng hoàn toàn do nội dung điều chỉnh theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD (các trường hợp điều chỉnh khác phải tuân thủ đúng quy định về thủ tục điều chỉnh dự án); đồng thời phải báo cáo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để ghi vốn điều chỉnh và báo cáo các Sở quản lý chuyên ngành theo phân cấp tại Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố để theo dõi. Sau đó, Ủy ban nhân dân các quận - huyện được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

b) Các sở - ngành tiếp tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư theo phân cấp, nếu giá trị tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh không vượt quá mức vốn đầu tư của dự án nhóm B được quy định tại Nghị định số 112/2006/NĐ-CP hoặc giá trị tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh có thể vượt quá mức vốn đầu tư của dự án nhóm B nhưng hoàn toàn do nội dung điều chỉnh theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD (các trường hợp điều chỉnh khác phải tuân thủ đúng quy định về thủ tục điều chỉnh dự án); đồng thời phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư để ghi vốn điều chỉnh. Sau đó, các sở - ngành được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình của mình.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh cho Sở Xây dựng để được hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền; hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng chỉ đạo giải quyết nếu vượt thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC**Các hệ số điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2008/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Loại đơn giá	Ký hiệu	Hệ số điều chỉnh
1. Đơn giá xây dựng cơ bản ban hành theo Quyết định số 104/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố (theo mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng/tháng).	K_{NC}^{DC}	1,772
	K_{MTC}^{DC}	1,176
2. Đơn giá xây dựng cơ bản ban hành theo Quyết định số 4232/QĐ-UB-QLĐT ngày 27 tháng 7 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố (theo mức lương tối thiểu chung là 144.000 đồng/tháng).	K_{NC}^{DC}	5,953
	K_{MTC}^{DC}	1,736
3. Đơn giá công tác sửa chữa trong xây dựng cơ bản ban hành theo Quyết định số 75/2001/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố (theo mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng/tháng).	K_{NC}^{DC}	4,065
	K_{MTC}^{DC}	1,624
4. Đơn giá xây dựng cơ bản khác theo mức lương tối thiểu chung là 180.000 đồng/tháng.	K_{NC}^{DC}	4,754
	K_{MTC}^{DC}	1,680
5. Đơn giá xây dựng cơ bản khác theo mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng/tháng.	K_{NC}^{DC}	2,949
	K_{MTC}^{DC}	1,512
6. Đơn giá xây dựng cơ bản khác theo mức lương tối thiểu chung là 450.000 đồng/tháng.	K_{NC}^{DC}	1,378
	K_{MTC}^{DC}	1,12
7. Đơn giá khảo sát xây dựng ban hành theo Quyết định số 103/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.	K_{NCKS}^{DC}	1,772
8. Định mức, đơn giá thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 32/2001/QĐ-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	K_{NCTN}^{DC}	3,25

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

QUẬN 10**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 10****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2008/NQ-HĐND

*Quận 10, ngày 22 tháng 4 năm 2008***NGHỊ QUYẾT****Về thực hiện chuyên đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống
văn minh đô thị” trên địa bàn quận 10****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 10
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” ban hành kèm theo Quyết định số 147/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Trên cơ sở nghiên cứu và thảo luận Kế hoạch chi tiết thực hiện “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” trên địa bàn quận 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với nội dung Kế hoạch số 1146/KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về Kế hoạch chi tiết thực hiện “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” trên địa bàn quận 10 năm 2008.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch cần chú ý:

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị trên địa bàn quận.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng bằng nhiều hình thức trong các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị.

- Tập trung tổ chức kiểm tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường và trật tự lòng lề đường trên địa bàn quận, nhất là các khu vực được chọn làm điểm.

- Kiểm tra đánh giá mặt được và chưa được trong việc triển khai thực hiện theo định kỳ 6 tháng và năm.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận 10 - khóa IX, kỳ họp thứ 16 giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân quận - phường và các ngành chức năng triển khai thực hiện Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua. Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận tăng cường hoạt động giám sát, thúc đẩy thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 10, khóa IX thông qua tại kỳ họp thứ 16 ngày 22 tháng 4 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Lâm Đình Chiến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 10****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2008/NQ-HĐND

Quận 10, ngày 22 tháng 4 năm 2008

NGHỊ QUYẾT**Về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10 đến năm 2020,
tỷ lệ 1/5000****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 10
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 2149/UBND-QLĐT ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5000; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 10 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với nội dung Tờ trình số 2149/UBND-QLĐT ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5000.

Trong quá trình triển khai nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5000 cần đảm bảo về quy mô diện tích và dân số, tính chất chức năng quy hoạch, các chỉ tiêu quy hoạch cùng với kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và thiết kế đô thị.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận 10 - khóa IX, kỳ họp thứ 16 giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân quận và các ngành chức năng triển khai thực hiện Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua, tiếp tục trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và

đại biểu Hội đồng nhân dân quận tăng cường hoạt động giám sát, thúc đẩy thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 10, khóa IX thông qua tại kỳ họp thứ 16 ngày 22 tháng 4 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Lâm Đình Chiến

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng